

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 02 - 2026
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2497/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng C; Sinh năm: 1994 (Có mặt)

Số CCCD: 096194002265, cấp ngày 05/10/2022

Địa chỉ: Khu tập thể Công ty MHM, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: Ông Tạ Chí H; Sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Số CCCD: 096094001194, cấp ngày 19/12/2022

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Đặng Hồng C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đặng Hồng C và ông Tạ Chí H chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Z, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H có hành vi đánh bà C, bà C xác định không còn tình cảm với ông H, vợ chồng hiện không còn sống chung, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Tạ Gia B, sinh ngày 16/7/2015 và Tạ Gia H2, sinh ngày 19/10/2024. Hiện tại cháu Gia B đang sống cùng ông H, cháu Gia H2 đang sống cùng bà C. Khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Gia H2 và giao cháu Gia B cho ông H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không ai nợ lại vợ chồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tạ Chí H theo quy định pháp luật nH2 bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tạ Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nH2 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2014, bà Đặng Hồng C và ông Tạ Chí H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông và bà được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà C trình bày: Giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, ông H có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung, hiện nay bà C và ông H không còn sống chung. Bà C xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H. Về phía ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH2 vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy ông H không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà C. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà C không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông H.

[3] *Về nuôi con chung*: Có hai người con chung tên Tạ Gia B, sinh ngày 16/7/2015 và Tạ Gia H2, sinh ngày 19/10/2024. Hiện tại cháu Gia B đang sống cùng ông H, cháu Gia H2 đang sống cùng bà C. Khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Gia H2, giao cháu Gia B cho ông H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ ly hôn thì con chung là Tạ Gia B có nguyện vọng sống với cha là ông H, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Gia B cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, do đó tiếp tục giao con chung tên Tạ Gia H2 cho bà C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà C và ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà C và ông H không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà C xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bà Đặng Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Hồng C về việc xin ly hôn ông Tạ Chí H.

- Về con chung: Giao con chung tên Tạ Gia B, sinh ngày 16/7/2015 cho ông Tạ Chí H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Tạ Gia H2, sinh ngày 19/10/2024 cho bà Đặng Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Đặng Hồng C và ông Tạ Chí H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đặng Hồng C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/10/2025, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001400 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV 1 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Z, tỉnh Cà Mau
(Theo Giấy CNKH số **43/2014**);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Bích Trâm